

Bản án số: 24/2023/HS-ST  
Ngày 22-01-2024

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Trương Anh Tuấn

*Các Hội thẩm nhân dân:* ông Sùng A Dinh và ông Giàng A Gông

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lò Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Điện Biên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa:** ông Lò Văn Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 25/2023/TLST-HS ngày 24/11/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2023/QĐXXST-HS ngày 05/01/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2024/HSST-QĐ ngày 17/01/2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Giàng A D** - Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 10/8/1991 tại huyện T, tỉnh Điện Biên; Nơi cư trú: thôn L, xã S, huyện T, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: làm ruộng; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Giàng A T- sinh năm 1947 và bà Chơ Thị M- sinh năm 1951; Vợ là Phàng Thị D- Sinh năm 1993; bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2019, con nhỏ sinh năm 2021; Tiền án: không; Tiền sự: không; Chức vụ đảng, chính quyền: Đảng viên (đang đình chỉ sinh hoạt đảng); Nhân thân: Chưa bị xử phạt hành chính, chưa bị kết án.

Tạm giữ, tạm giam: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 05/10/2023 đến nay. Bị cáo có mặt.

- *Nguyên đơn dân sự:* Ủy ban nhân dân xã S, huyện T, tỉnh Điện Biên. Người đại diện theo pháp luật: ông Thào A C - Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã S, huyện T, tỉnh Điện Biên. Người đại diện theo ủy quyền: ông Ly A D - sinh năm 1988, Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã S, huyện T, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ anh Giàng A C- sinh năm 1977; Trú tại: thôn L, xã S, huyện T, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

+ anh Giàng A K- sinh năm 1980; Trú tại: thôn L, xã S, huyện T, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

+ anh Giàng A V (tên khác là Giàng A S) - sinh năm 1994; Trú tại: thôn L, xã S, huyện T, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

+ anh Vàng A C- sinh năm 1982; Trú tại: thôn L, xã S, huyện T, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

+ anh Giàng A D1- sinh năm 1996; Trú tại: thôn L, xã S, huyện T, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

+ anh Giàng A S- sinh năm 1979; Trú tại: thôn L, xã S, huyện T, tỉnh Điện Biên- Trưởng thôn L, xã S. Có mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Gia đình Bị cáo Giàng A D có 01 mảnh đất nương cũ đã bỏ hoang nhiều năm, trên đất cây đã mọc thành rừng, tại khu vực thôn L, xã S, huyện T. Do mục đích để có đất sản xuất nông nghiệp, nên vào tháng 02 năm 2022 bị cáo Giàng A D đã nhờ 05 người gồm Giàng A C, Giàng A K, Giàng A V (tên khác là Giàng A S), Vàng A C và Giàng A D1 đi phát nương hộ; Sau đó mỗi người mang theo dao quắm (loại dao phát nương), riêng bị cáo Dờ mang theo hai con dao, đi vào khu vực đám nương cũ để chặt phát cây rừng. Khi đến nơi Giàng A C, Giàng A K, Giàng A V, Vàng A C, Giàng A D1 dùng dao chặt phát giúp bị cáo trong ngày đầu; Ngày hôm sau bị cáo mượn máy cưa cầm tay của Giàng A V và một mình bị cáo tiếp tục đi vào đám rừng dùng dao và máy cưa tay để phát, cưa các cây trong rừng. Đến giữa tháng 03 năm 2022 bị cáo đi đốt dọn khu vực chặt phá và gieo lúa. Đến tháng 04/2022 thì bị cơ quan chức năng phát hiện.

Tại biên bản kiểm tra hiện trường ngày 28/4/2022 và biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 05/5/2022 đã xác định được diện tích rừng bị phá là 5.235m<sup>2</sup>, số cây bị chặt phá là 178 cây gồm các nhóm gỗ VI, VIII, khối lượng gỗ thiệt hại là 6,397 m<sup>3</sup>, củi tận thu là 3,633 ster.

Xem xét vị trí, sử dụng máy định vị GPS xác định tọa độ các góc: X:531211-Y:2438401; X:531185-Y:243836; X:531160-Y:2438565; X:531100-Y:2438435. Đối chiếu bản đồ giao đất giao rừng, quyết định giao đất giao rừng, trích lục bản đồ địa chính xã S, xác định khu vực rừng do bị cáo Giàng A D chặt phá thuộc lô 1, khoảnh 7, tiểu khu 542 đã được quy hoạch rừng phòng hộ theo Quyết định số 1208/QĐ-UBND ngày 21/12/2018 của UBND tỉnh Điện Biên, Quyết định số 2810/QĐ-UBND ngày 06/11/2015 của UBND huyện T về giao rừng gắn với giao đất lâm nghiệp giao cho cộng đồng thôn L, xã S, huyện T quản lý, bảo vệ từ năm 2015.

Vật chứng thu giữ gồm: thu giữ của bị cáo 02 con dao phát (loại dao quắm); Đối với số cây gỗ bị chặt phá còn lại Cơ quan điều tra đã bàn giao cho UBND xã S quản lý tại rừng.

Tại bản kết luận giám định số 23/KL ngày 17/11/2022 của Giám định viên tư pháp thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Điện Biên kết luận: diện tích bị chặt phá là 5.235 m<sup>2</sup>, nằm trong tiểu khu 542 khoảnh 7 lô 1, là rừng tự nhiên thứ sinh gỗ núi đất lá rộng thường xanh nghèo kiệt (ký hiệu TXK), thuộc rừng phòng hộ được giao cho cộng đồng thôn L, xã S quản lý, bảo vệ.

Kết luận định giá tài sản số 19/KL-HĐĐGTS ngày 11/4/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận: Giá thị trường tại thời điểm tháng 04/2022 của 5.235m<sup>2</sup> rừng phòng hộ tại tiểu khu 542 khoảnh 7 lô 1 là: gỗ nhóm VI, VIII có giá trị 6,397m<sup>3</sup> x 300.000 đồng/m<sup>3</sup> = 1.919.100 đồng; củi tận thu là 3,633 ster x 100.000 đồng/ster = 363.300 đồng; Tổng giá trị thiệt hại là

2.282.400 đồng; Không xác định được giá trị thiệt hại về tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng và thiệt hại về tác động môi trường rừng.

Nguyên đơn dân sự UBND xã S yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho nhà nước theo kết luận định giá tài sản là 2.282.400 đồng.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Giàng A D khai nhận toàn bộ hành vi phá rừng của mình, mục đích bị cáo phá rừng là để làm nông nghiệp, nguồn gốc đám rừng chặt phá là đám nương cũ trước đây của gia đình tự khai hoang không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do đất bạc màu nên gia đình bị cáo đã bỏ hoang chờ cây rừng lên để phát, đốt và làm nông nghiệp; bị cáo không biết khu vực chặt phá làm nương đã được quy hoạch vào rừng phòng hộ. Quá trình giải quyết vụ án bị cáo đã nộp toàn bộ số tiền bồi thường 2.282.400 đồng theo yêu cầu của Nguyên đơn dân sự tại cơ quan thi hành án dân sự huyện T để nộp vào ngân sách nhà nước.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Giàng A C, Giàng A K, Giàng A V (tên khác là Giàng A S), Vàng A C và Giàng A D1 có lời khai phù hợp với lời khai của bị cáo về việc đi giúp bị cáo phát nương và những người này cũng không biết diện tích nương cũ của bị cáo đã được quy hoạch vào rừng phòng hộ; Trong khoảng thời gian này những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng phát rừng làm nương trên các đám nương cũ của gia đình tại khu vực thôn L, xã S và đã được quy hoạch vào đất rừng nên đã bị cơ quan chức năng thu giữ vật chứng, lập hồ sơ xử lý trong các vụ việc khác.

Cáo trạng số 59/CT-VKSHTC ngày 22/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố bị cáo Giàng A D về tội "Hủy hoại rừng" theo điểm c khoản 1 Điều 243 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 243, các điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Giàng A D từ 02 năm đến 02 năm 6 tháng tù cho hưởng án treo về tội "Hủy hoại rừng"; Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; đề nghị công nhận bị cáo đã bồi thường xong số tiền gây thiệt hại về rừng cho nhà nước; Về vật chứng đề nghị tịch thu tiêu hủy 02 con dao phát thu giữ của bị cáo và đề nghị miễn toàn bộ án phí cho bị cáo.

Tại phiên tòa đại diện Nguyên đơn dân sự chấp nhận việc bồi thường của bị cáo, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội, không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

**[1] Về tố tụng:** Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Giàng A D1; Xét thấy người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã có lời khai tại Cơ quan điều tra và sự vắng mặt không gây trở ngại cho việc xét xử, do đó Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự.

## **[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:**

Tại phiên tòa Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, bị cáo đã nhờ anh em cùng với Bị cáo dùng dao và máy cưa cầm tay để phát, chặt, phá cây rừng trong thời gian 02 ngày với mục đích để có đất làm nông nghiệp; Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của đại diện nguyên đơn dân sự, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các chứng cứ khác của vụ án như: Biên bản kiểm tra hiện trường, biên bản thu giữ vật chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, kết quả xác định khối lượng, nhóm gỗ, kết luận định giá tài sản, kết luận giám định loại rừng, bản đồ quy hoạch rừng, hồ sơ giao đất, giao rừng, Quyết định giao đất, giao rừng, danh sách chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng...

Có đủ cơ sở kết luận, vì muốn có đất để làm nương nên trong thời gian 02 ngày trong tháng 02/2022, bị cáo Giàng A D đã nhờ anh em họ hàng cùng với Bị cáo dùng dao phát và máy cưa để phá rừng trái phép tại lô 1, khoảnh 7, tiểu khu 542 là khu vực rừng phòng hộ được giao cho cộng đồng thôn L, xã S quản lý, bảo vệ; Diện tích bị chặt phá là 5.235m<sup>2</sup>, gây thiệt hại về giá trị lâm sản theo định giá là 2.282.400 đồng.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, đã cố ý chặt phá rừng phòng hộ với diện tích 5.235m<sup>2</sup>, hành vi phá rừng trái pháp luật của bị cáo đã phạm vào tội "Hủy hoại rừng", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 243 của Bộ luật hình sự ("*c, Rừng phòng hộ có diện tích từ 3.000 mét vuông đến dưới 7.000 mét vuông*").

Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

## **[3] Xét tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:**

- Về các tình tiết giảm nhẹ:

Bị cáo không có tiền án, không có tiền sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về toàn bộ hành vi phạm tội của mình, nên áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải" theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị cáo đã tự nguyện nộp cho cơ quan Thi hành án dân sự số tiền 2.282.400 đồng theo yêu cầu của UBND xã S để bồi thường toàn bộ thiệt hại về rừng cho nhà nước, do đó áp dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b khoản 1 điều 51 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo có ông nội là ông Giàng A C1 được nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất (Quyết định số 175-KT/HĐBT ngày 09/10/1989 của Hội đồng Bộ trưởng), nên áp dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 điều 51 của Bộ luật hình sự.

Nguyên đơn dân sự UBND xã S, huyện T có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên áp dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 điều 51 của Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, Hội đồng xét xử thấy bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và do kém hiểu biết, bị cáo cũng như những người đi phát nương hộ cho bị cáo cho rằng mảnh nương cũ vẫn thuộc đất nông nghiệp được sử dụng làm nương của gia đình bị cáo và không biết diện tích đất trên đã được quy hoạch vào đất rừng từ năm 2015.

Hội đồng xét xử thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong đó có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 điều 51 và 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 điều 51 của Bộ luật hình sự, bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và có nơi cư trú ổn định, rõ ràng nên thấy không cần thiết phải buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại trại giam, mà áp dụng điều 65 của Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo và giao cho chính quyền địa phương cùng gia đình giám sát, giáo dục bị cáo cũng đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo ý thức chấp hành pháp luật, cũng như tạo điều kiện để bị cáo sửa chữa lỗi lầm.

**[4] Về hình phạt bổ sung:**

Xét gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo, làm nông nghiệp ruộng nương, thu nhập không ổn định theo biên bản xác minh của Cơ quan điều tra, bị cáo không có khả năng thi hành hình phạt bổ sung là phạt tiền, nên Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo khoản 4 Điều 243 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

**[5] Về bồi thường dân sự:**

Trong quá trình giải quyết vụ án, Bị cáo đã giao nộp số tiền 2.282.400 đồng cho cơ quan Thi hành án dân sự để bồi thường cho nhà nước theo yêu cầu của nguyên đơn dân sự, tại phiên tòa nguyên đơn dân sự đồng ý và không có yêu cầu gì thêm, do đó Hội đồng xét xử ghi nhận bị cáo đã bồi thường xong thiệt hại theo quy định tại khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 589 của Bộ luật dân sự.

**[6] Về vật chứng vụ án:**

Đối với 02 con dao phát thu giữ của bị cáo là công cụ phạm tội, là tài sản không có giá trị nên cần tịch thu tiêu hủy theo điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Đối với các dao phát và máy cưa của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã bị thu giữ và xử lý trong các vụ việc phá rừng khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với các cây gỗ tạp bị cáo đã chặt phát còn lại thuộc các nhóm gỗ VI, VIII, vẫn đang giữ nguyên trên diện tích rừng bị chặt phá do UBND xã S đang quản lý, xét các cây gỗ không có giá trị để sử dụng làm gỗ thương mại nên cần để lại trên rừng cho tự hủy hoại để bồi bổ đất, tái sinh rừng.

**[7] Về án phí:** Bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, gia đình thuộc hộ nghèo (Giấy chứng nhận số 272/GCN-HN.HCN ngày 01/01/2022 của UBND xã S) nên cần miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**[8] Về hành vi, quyết định tố tụng:** Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó,

các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 243 của Bộ luật hình sự:

**1. Tuyên bố:** Bị cáo Giàng A D phạm tội "Hủy hoại rừng".

### **2. Hình phạt:**

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 243; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Giàng A D 02 (hai) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (bốn) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 22/01/2024)

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã S, huyện T, tỉnh Điện Biên giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã trong việc giám sát và giáo dục bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Áp dụng điểm d khoản 1 điều 125 của Bộ luật Tố tụng hình sự: hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và cấm xuất cảnh đối với bị cáo.

### **3. Về bồi thường dân sự:**

Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự, các Điều 584, 585, 589 của Bộ luật dân sự:

Công nhận bị cáo Giàng A D đã bồi thường xong toàn bộ số tiền gây thiệt hại về rừng cho nhà nước 2.282.400 đồng (*hai triệu hai trăm tám mươi hai nghìn bốn trăm đồng*).

(Số tiền trên cơ quan thi hành án dân sự đang quản lý theo biên lai thu tiền số 0001907 ngày 20/11/2023 của cơ quan Thi hành án dân sự huyện T)

### **4. Về vật chứng vụ án:**

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 02 con dao phát thu giữ của bị cáo.

*Vật chứng trên cơ quan Thi hành án dân sự huyện T đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan điều tra và Chi cục thi hành án dân sự huyện T.*

### **5. Về án phí:**

Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch cho bị cáo.

**6. Kháng cáo:** Áp dụng điều 331, điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án, Nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo bản án về phần bồi thường thiệt hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 22/01/2024), đối với người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện T;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- CA huyện T (2b)
- Cơ quan THAHS huyện, tỉnh;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- Sở Tư Pháp tỉnh Điện Biên;
- THADS huyện T;
- Bị cáo; Nguyên đơn dân sự;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu: HSVA, HSTHA.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Anh Tuấn**